

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2018/DS-ST

Ngày: 21- 5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà- Nguyễn Thị Lý

Ông- Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Chí M

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Khương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 569/2017/TLST-DS ngày 27/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, 72 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí M.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông- Tạ Trường Đ, sinh năm 1985 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 75/2017/EIBQ4/UQ-GĐ ngày 06/11/2017); địa chỉ: 236 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí M (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông- Nguyễn M, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 57/9D đường 7, khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ

Đức, Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nhận thấy ông Nguyễn M đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Quận 4, Phòng giao dịch Lý Tự Trọng xét cấp tín dụng số tiền: 276.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201600013 ngày 06/01/2016, Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201600026 ngày 07/01/2016. Lãi suất cho vay: 11%/năm, lãi quá hạn 16,75%. Thời hạn vay: 05 năm; thanh toán theo phương thức trả dần hàng tháng (vào ngày 07) vừa gốc 4.600.000 đồng và lãi theo số ngày thực tế trong tháng. Mục đích vay tiền: Thanh toán tiền mua xe Kia Morning.

Để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn M đã thế chấp tài sản là xe ô tô Kia Morning, theo Hợp đồng thế chấp số 29/2016/NOO/HĐBĐ ngày 14/01/2016 và 10/2016/NOO/HĐBĐ ngày 07/01/2016; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.HCM ngày 27/7/2017.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, ông Nguyễn M đã không thực hiện đúng cam kết đã ký với Ngân hàng. Từ ngày 30/8/2017 ông Nguyễn M đã ngưng không thanh toán nợ và khoản nợ vay được chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã liên hệ với khách hàng nhiều lần, nhưng đến nay ông Nguyễn M vẫn chưa thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng A.

Tại phiên hòa giải ngày 23/3/2018, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn M phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày 23/3/2018 là 205.674.609 đồng (gốc 191.710.000 đồng, lãi 13.964.609 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi ông Nguyễn M trả hết nợ.

Nếu ông Nguyễn M không trả nợ hoặc trả nợ không đủ, thì phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô Kia Morning, biển số đăng ký 60A 260.11, số khung RNYTB51M5FC067625, số máy G4LAFP125362 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058698 do Phòng CSGT công an Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/01/2016) và phát mãi tài sản hợp pháp khác của ông Nguyễn M để thanh toán nợ cho Ngân hàng A.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn đã gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời yêu cầu bổ sung về tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa hòa giải ngày 23/3/2018 đến ngày xét xử, với số tiền lãi tăng thêm tổng cộng là 17.941.056 đồng. Tổng số nợ gốc và lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tính đến ngày 21/5/2018 là 209.651.056 đồng.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên Tòa, đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết thực hiện đúng qui trình thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Nguyễn M cư trú tại quận Thủ Đức, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án được đưa ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn; đồng thời căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với ông Nguyễn M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn- ông Nguyễn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đến Tòa nhưng bị đơn vẫn không đến, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201600013 ngày 06/01/2016, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201600026 ngày 07/01/2016, bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ vừa gốc và lãi định kỳ hàng tháng, trong thời hạn 60 tháng. Tuy nhiên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ này- không thanh toán đúng hạn và đầy đủ, nên nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/8/2017. Số nợ gốc mà ông Nguyễn M còn nợ nguyên đơn là 191.710.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày 23/3/2018, với số tiền là 205.674.609 đồng; đồng thời yêu cầu tiền lãi tiếp tục phát sinh sau này.

Tại phiên tòa, xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử là hoàn toàn phù hợp với nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 209.651.056 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm năm mươi một nghìn không trăm năm mươi sáu) đồng.

Do bị đơn đã dùng tài sản thế chấp cho nguyên đơn để đảm bảo thực hiện khoản vay, nên nếu trong trường hợp bị đơn chậm thi hành án, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: xe ô tô Kia Morning, biển số đăng ký 60A 260.11, số khung RNYTB51M5FC067625, số máy G4LAFP125362 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058698 do Phòng CSGT công an Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/01/2016) và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Do tiền lãi phát sinh chỉ mới được tạm tính đến ngày 21/5/2018, nên cần buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ .

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn- ông Nguyễn M có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 209.651.056 (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm năm mươi một nghìn không trăm năm mươi sáu) đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời kể từ ngày 22/5/2018, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201600013 ngày 06/01/2016, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201600026 ngày 07/01/2016 trên tổng số dư nợ gốc còn lại tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành hoặc không thi hành án, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 10.482.553 (Mười triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm năm mươi ba) đồng, bị đơn phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 4.889.173 (Bốn triệu tám trăm tám mươi chín nghìn một trăm bảy mươi ba) đồng, theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0037653 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí M.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Lưu: HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Tiên